

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC  
NĂM HỌC 2025-2026

KẾT QUẢ THI THỰC HÀNH KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRỰC THUỘC UBND CẤP XÃ NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày /11/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Vị trí dự tuyển: Giáo viên Mầm non

| TT | SBD  | Họ và tên            | Ngày/tháng/năm/sinh | Dân tộc | Diện ưu tiên | Điểm thi thực hành vòng 2 | Tổng điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|------|----------------------|---------------------|---------|--------------|---------------------------|---------------------|---------|
| 1  | 1001 | Vàng Thị Ai          | 02/10/2001          | Mông    | DTTS         |                           |                     | Vắng    |
| 2  | 1002 | Lò Thị Thương An     | 26/10/2001          | Thái    | DTTS         | 61.5                      | 66.5                |         |
| 3  | 1003 | Đặng Vân Anh         | 20/11/2001          | Kinh    |              | 66.0                      | 66.0                |         |
| 4  | 1004 | Lò Thị Anh           | 26/10/2002          | Thái    | DTTS         | 71.5                      | 76.5                |         |
| 5  | 1005 | Lò Tuấn Anh          | 10/03/2004          | Thái    | DTTS         | 61.0                      | 66.0                |         |
| 6  | 1006 | Lù Thị Anh           | 15/06/1999          | Thái    | DTTS         |                           |                     | Vắng    |
| 7  | 1007 | Lường Thị Hải Anh    | 16/04/2002          | Thái    | DTTS         | 73.0                      | 78.0                |         |
| 8  | 1008 | Nguyễn Hồng Anh      | 20/09/1997          | Kinh    |              | 82.5                      | 82.5                |         |
| 9  | 1009 | Nguyễn Ngọc Anh      | 24/04/2002          | Kinh    |              | 82.0                      | 82.0                |         |
| 10 | 1010 | Nguyễn Thị Vân Anh   | 27/08/2004          | Kinh    |              | 67.0                      | 67.0                |         |
| 11 | 1011 | Phạm Lan Anh         | 22/09/2004          | Kinh    |              | 61.5                      | 61.5                |         |
| 12 | 1012 | Vương Thị Phương Anh | 11/01/2004          | Kinh    |              | 59.5                      | 59.5                |         |
| 13 | 1013 | Giàng Thị Ánh        | 26/01/2002          | Mông    | DTTS         |                           |                     | Vắng    |
| 14 | 1014 | Lùng Thị Nguyệt Ánh  | 10/07/2003          | Thái    | DTTS         | 65.5                      | 70.5                |         |
| 15 | 1015 | Vàng Thị Bầu         | 04/06/2004          | Mông    | DTTS         | 56.0                      | 61.0                |         |
| 16 | 1016 | Quảng Thị Biên       | 08/09/1998          | Thái    | DTTS         | 81.0                      | 86.0                |         |
| 17 | 1017 | Tòng Thị Biên        | 10/03/2001          | Thái    | DTTS         | 60.5                      | 65.5                |         |
| 18 | 1018 | Lò Thị Bình          | 15/03/2003          | Lào     | DTTS         |                           |                     | Vắng    |
| 19 | 1019 | Tòng Thị Bình        | 01/07/2004          | Thái    | DTTS         | 61.0                      | 66.0                |         |
| 20 | 1020 | Giàng Thị Ca         | 13/10/2001          | Mông    | DTTS         | 51.0                      | 56.0                |         |
| 21 | 1021 | Hồ Thị Cá            | 21/03/2003          | Mông    | DTTS         | 61.0                      | 66.0                |         |
| 22 | 1022 | Lầu Thị Cá           | 05/10/2004          | Mông    | DTTS         | 65.0                      | 70.0                |         |
| 23 | 1023 | Vừ Thị Chánh         | 28/08/2002          | Mông    | DTTS         | 39.0                      | 44.0                |         |
| 24 | 1024 | Tần Phẫu Châm        | 24/08/2001          | Dao     | DTTS         | 67.5                      | 72.5                |         |
| 25 | 1025 | Lùng Thị Chân        | 06/09/2004          | Thái    | DTTS         | 59.0                      | 64.0                |         |
| 26 | 1026 | Hà Quỳnh Châu        | 17/09/2003          | Kinh    |              | 70.0                      | 70.0                |         |
| 27 | 1027 | Hồ Thị Chi           | 01/11/2000          | Thái    | DTTS         | 65.0                      | 70.0                |         |
| 28 | 1028 | Lầu Thị Chi          | 04/12/2004          | Mông    | DTTS         | 65.5                      | 70.5                |         |

| TT | SBD  | Họ và tên           | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|----|------|---------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 29 | 1029 | Lò Thị Chi          | 25/11/2001              | Thái       | DTTS            | 22.0                         | 27.0                   |         |
| 30 | 1030 | Lò Thị Huệ Chi      | 12/09/2003              | Thái       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 31 | 1031 | Lò Thị Yến Chi      | 29/06/2004              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 32 | 1032 | Nghiêm Thị Thảo Chi | 02/01/2003              | Kinh       |                 | 84.5                         | 84.5                   |         |
| 33 | 1033 | Vừ Thị Chi          | 04/04/2003              | Mông       | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 34 | 1034 | Vàng Thị Chia       | 24/08/2002              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 35 | 1035 | Lường Thị Chinh     | 02/03/2002              | Thái       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 36 | 1036 | Sùng Thị Chua       | 15/11/2003              | Mông       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 37 | 1037 | Vừ Thị Chua         | 13/03/2004              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 38 | 1038 | Lù Thị Chung        | 04/04/2002              | Thái       | DTTS            | 58.0                         | 63.0                   |         |
| 39 | 1039 | Tòng Thị Chuyển     | 21/11/2003              | Thái       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 40 | 1040 | Thào Thị Chư        | 05/01/2002              | Mông       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 41 | 1041 | Vàng Thị Chư        | 02/03/2003              | Mông       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 42 | 1042 | Mùa Thị Chứ         | 01/05/2004              | Mông       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 43 | 1043 | Và Thị Chừ          | 13/02/1999              | Mông       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 44 | 1044 | Lầu Thị Co          | 29/11/2001              | Mông       | DTTS            | 54.0                         | 59.0                   |         |
| 45 | 1045 | Giàng Thị Công      | 22/06/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 46 | 1046 | Hờ Thị Cống         | 16/05/2003              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 47 | 1047 | Lầu Thị Cống        | 01/03/2003              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 48 | 1048 | Mùa Thị Cú          | 08/02/2003              | Mông       | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 49 | 1049 | Vàng Thị Cú         | 20/07/2003              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 50 | 1050 | Lầu Thị Cua         | 08/11/2004              | Mông       | DTTS            | 83.5                         | 88.5                   |         |
| 51 | 1051 | Sùng Thị Cua        | 20/05/2004              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 52 | 1052 | Hờ Thị Cúc          | 26/12/2003              | Mông       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 53 | 1053 | Lường Thị Kim Cúc   | 03/09/2003              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 54 | 1054 | Lò Văn Cương        | 02/02/2000              | Thái       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 55 | 1055 | Giàng Thị Dải       | 23/06/2004              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 56 | 1056 | Hồ Thị Danh         | 20/12/2003              | Mông       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 57 | 1057 | Lò Thị Oanh         | 22/11/2002              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 58 | 1058 | Sông Thị Pặn Day    | 16/11/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 59 | 1059 | Vàng Thị Dấu        | 14/04/2000              | Mông       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 60 | 1060 | Chu Pử De           | 14/03/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 61 | 1061 | Lý Phạ De           | 12/07/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |

| TT | SBD  | Họ và tên            | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|----|------|----------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 62 | 1062 | Lý Xò De             | 10/05/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 63 | 1063 | Lý Xè De             | 15/09/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 64 | 1064 | Pờ Pó De             | 15/05/1998              | Hà Nhì     | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 65 | 1065 | Vù Phù De            | 19/10/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 66 | 1066 | Mùa Thị Di           | 01/04/2003              | Mông       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 67 | 1067 | Sùng Thị Dí          | 09/02/2001              | Mông       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 68 | 1068 | Hù Cồ Dị             | 20/09/1992              | Si La      | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 69 | 1069 | Nguyễn Thị Kiều Diễm | 17/08/2003              | Kinh       |                 |                              |                        | Vắng    |
| 70 | 1070 | Quảng Thị Diên       | 12/06/2003              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 71 | 1071 | Lềng Thị Diện        | 10/05/1993              | Thái       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 72 | 1072 | Lò Thị Diện          | 14/12/2003              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 73 | 1073 | Lường Thị Diện       | 13/03/2002              | Thái       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 74 | 1074 | Lường Thị Bích Diệp  | 08/01/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 75 | 1075 | Vàng Thị Dính        | 18/11/2004              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 76 | 1076 | Vừ Thị Dính          | 10/02/2004              | Mông       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 77 | 1077 | Vừ Thị Dính          | 01/01/2002              | Mông       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 78 | 1078 | Lò Thị Tuyết Dịu     | 16/11/2002              | Thái       | DTTS            | 56.5                         | 61.5                   |         |
| 79 | 1079 | Quảng Thị Doãn       | 29/04/2004              | Kháng      | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 80 | 1080 | Hạng Thị Đông        | 10/01/2003              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 81 | 1081 | Hạng Thị Dợ          | 08/04/2004              | Mông       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 82 | 1082 | Ly Thị Dợ            | 11/05/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 83 | 1083 | Mùa Thị Dợ           | 20/10/2002              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 84 | 1084 | Hồ Thị Dung          | 04/03/2003              | Mông       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 85 | 1085 | Lò Thị Dung          | 28/06/2002              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 86 | 1086 | Mùa Thị Dung         | 05/11/2004              | Mông       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 87 | 1087 | Mùa Thị Dung         | 16/02/2003              | Mông       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 88 | 1088 | Sùng Thị Dung        | 15/09/2004              | Mông       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 89 | 1089 | Sùng Thị Dung        | 23/11/2002              | Mông       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 90 | 1090 | Sùng Thị Dung        | 10/10/2004              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 91 | 1091 | Tòng Thị Dung        | 06/12/2002              | Thái       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 92 | 1092 | Tòng Thị Dung        | 11/04/2004              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 93 | 1093 | Vừ Thị Dung          | 01/10/2002              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 94 | 1094 | Cà Thị Thúy Duyên    | 02/01/2002              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên              | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 95  | 1095 | Vùi Thị Duyên          | 14/07/1997              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 96  | 1096 | Cà Thùy Dương          | 08/04/2002              | Thái       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 97  | 1097 | Đào Thị Dương          | 14/07/2004              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 98  | 1098 | Đinh Ngọc Dương        | 23/08/2004              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 99  | 1099 | Đỗ Thùy Dương          | 08/11/2004              | Kinh       |                 | 70.0                         | 70.0                   |         |
| 100 | 1100 | Khoàng Thùy Dương      | 15/05/2000              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 101 | 1101 | Lò Thị Dương           | 24/08/2000              | Thái       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 102 | 1102 | Ngô Ánh Dương          | 19/11/2004              | Kinh       |                 | 80.5                         | 80.5                   |         |
| 103 | 1103 | Trần Thị Thùy Dương    | 12/02/2004              | Kinh       |                 | 65.0                         | 65.0                   |         |
| 104 | 1104 | Vừ Mai Đầu             | 17/10/2004              | Mông       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 105 | 1105 | Lò Thị Điện            | 12/10/1994              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 106 | 1106 | Lò Thị Định            | 27/10/1999              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 107 | 1107 | Lềng Thị Đông          | 06/02/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 108 | 1108 | Giàng Thị Ghênh        | 04/04/2001              | Mông       | DTTS            | 73.5                         | 78.5                   |         |
| 109 | 1109 | Giàng Thị Giang        | 18/08/2002              | Mông       | DTTS            | 54.0                         | 59.0                   |         |
| 110 | 1110 | Lò Thị Bích Giang      | 02/11/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 111 | 1111 | Lò Thị Quỳnh Giang     | 03/09/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 112 | 1112 | Lù Thị Giang           | 03/02/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 113 | 1113 | Nguyễn Thị Hương Giang | 23/01/2004              | Kinh       |                 | 54.5                         | 54.5                   |         |
| 114 | 1114 | Nguyễn Thu Giang       | 07/06/2003              | Kinh       |                 | 85.5                         | 85.5                   |         |
| 115 | 1115 | Thào Thị Giàng         | 24/12/2004              | Mông       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 116 | 1116 | Giàng Thị Gúa          | 08/03/2002              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 117 | 1117 | Bạc Thu Hà             | 01/01/2002              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 118 | 1118 | Cà Thị Thu Hà          | 18/02/2002              | Thái       | DTTS            | 81.0                         | 86.0                   |         |
| 119 | 1119 | Đỗ Thị Thu Hà          | 06/08/2003              | Kinh       |                 | 55.0                         | 55.0                   |         |
| 120 | 1120 | Khoàng Thị Hà          | 01/09/1998              | Khơ mú     | DTTS            | 81.0                         | 86.0                   |         |
| 121 | 1121 | Lò Thị Hà              | 23/03/2004              | Thái       | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 122 | 1122 | Lò Thị Hà              | 30/11/1999              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 123 | 1123 | Lò Thị Thu Hà          | 12/06/2002              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 124 | 1124 | Lò Thu Hà              | 25/11/2004              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 125 | 1125 | Lò Thu Hà              | 07/06/2003              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 126 | 1126 | Lò Thu Hà              | 18/10/2001              | Thái       | DTTS            | 69.0                         | 74.0                   |         |
| 127 | 1127 | Lường Thị Hà           | 23/01/2000              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên         | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 128 | 1128 | Lường Thị Hà      | 06/07/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 129 | 1129 | Nguyễn Thị Hà     | 19/09/1994              | Kinh       |                 | 61.0                         | 61.0                   |         |
| 130 | 1130 | Phạm Thị Hà       | 15/10/2003              | Kinh       |                 | 68.5                         | 68.5                   |         |
| 131 | 1131 | Sùng Thị Thu Hà   | 03/04/2004              | Mông       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 132 | 1132 | Trần Thu Hà       | 14/11/2001              | Kinh       |                 | 81.0                         | 81.0                   |         |
| 133 | 1133 | Vì Thị Thu Hà     | 27/05/2002              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 134 | 1134 | Cà Thị Hạnh       | 17/10/2003              | Thái       | DTTS            | 85.0                         | 90.0                   |         |
| 135 | 1135 | Cà Thị Mỹ Hạnh    | 07/04/2002              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 136 | 1136 | Lường Thị Hạnh    | 28/02/2003              | Thái       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 137 | 1137 | Quảng Thị Hạnh    | 27/02/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 138 | 1138 | Vừ Thị Thu Hạnh   | 16/10/2003              | Mông       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 139 | 1139 | Cà Thị Hằng       | 20/07/2004              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 140 | 1140 | Giàng Thị Hằng    | 18/05/2004              | Mông       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 141 | 1141 | Lò Bích Hằng      | 12/12/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 142 | 1142 | Lò Thị Hằng       | 20/09/2003              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 143 | 1143 | Lò Thị Hằng       | 09/07/2000              | Lào        | DTTS            | 79.5                         | 84.5                   |         |
| 144 | 1144 | Lù Thị Hằng       | 10/02/2003              | Thái       | DTTS            | 18.5                         | 23.5                   |         |
| 145 | 1145 | Lường Thái Hằng   | 18/03/2003              | Thái       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 146 | 1146 | Lường Thị Hằng    | 04/05/1998              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 147 | 1147 | Vũ Thị Thu Hằng   | 17/10/2004              | Kinh       |                 | 85.0                         | 85.0                   |         |
| 148 | 1148 | Cà Thị Thanh Hiền | 11/11/1998              | Thái       | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 149 | 1149 | Lò Thị Hiền       | 01/06/2004              | Thái       | DTTS            | 58.0                         | 63.0                   |         |
| 150 | 1150 | Lò Thị Hiền       | 16/10/2002              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 151 | 1151 | Lò Thị Hiền       | 12/02/2003              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 152 | 1152 | Lò Thị Hiền       | 18/09/2004              | Thái       | DTTS            | 71.0                         | 76.0                   |         |
| 153 | 1153 | Lò Thị Hiền       | 29/09/2001              | Thái       | DTTS            | 74.5                         | 79.5                   |         |
| 154 | 1154 | Lò Thị Thu Hiền   | 13/03/2004              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 155 | 1155 | Lường Thị Hiền    | 01/02/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 156 | 1156 | Lường Thị Hiền    | 10/03/2004              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 157 | 1157 | Phạm Thị Hiền     | 20/08/1995              | Kinh       |                 | 51.0                         | 51.0                   |         |
| 158 | 1158 | Phạm Thu Hiền     | 03/10/2003              | Kinh       |                 | 68.5                         | 68.5                   |         |
| 159 | 1159 | Quảng Thị Hiền    | 06/01/2004              | Thái       | DTTS            | 85.0                         | 90.0                   |         |
| 160 | 1160 | Quảng Thị Hiền    | 11/10/2002              | Thái       | DTTS            | 54.0                         | 59.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên         | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 161 | 1161 | Tòng Thị Hiền     | 24/10/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 162 | 1162 | Đào Thị Hiếu      | 22/09/2001              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 163 | 1163 | Lò Văn Hiếu       | 04/05/2002              | Khơ mú     | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 164 | 1164 | Chang Chang Hoa   | 13/10/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 165 | 1165 | Đàm Thị Hoa       | 18/12/1988              | Nùng       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 166 | 1166 | Hạng Thị Hoa      | 07/05/2004              | Mông       | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 167 | 1167 | Lầu Thị Mỹ Hoa    | 06/05/2002              | Mông       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 168 | 1168 | Lò Thị Hoa        | 02/07/2004              | Thái       | DTTS            | 57.5                         | 62.5                   |         |
| 169 | 1169 | Lò Thị Hoa        | 08/02/2003              | Lào        | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 170 | 1170 | Lường Thị Hoa     | 01/11/1999              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 171 | 1171 | Lý Giá Hoa        | 02/06/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 172 | 1172 | Mùa Thị Hoa       | 21/12/2001              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 173 | 1173 | Phạm Ngọc Hoa     | 24/04/2004              | Tày        | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 174 | 1174 | Pờ Mi Hoa         | 02/07/2001              | Hà Nhì     | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 175 | 1175 | Quảng Thị Hoa     | 31/08/2000              | Thái       | DTTS            | 86.5                         | 91.5                   |         |
| 176 | 1176 | Thào Thị Hoa      | 07/09/2004              | Mông       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 177 | 1177 | Trá Thị Hoa       | 21/02/2004              | Mông       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 178 | 1178 | Cà Thị Minh Hoài  | 10/08/2004              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 179 | 1179 | Lò Thu Hoài       | 21/08/2003              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 180 | 1180 | Lường Thị Hoài    | 28/09/2002              | Thái       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 181 | 1181 | Poòng Văn Hoài    | 19/03/2002              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 182 | 1182 | Lò Thị Hồng       | 01/05/2004              | Thái       | DTTS            | 83.0                         | 88.0                   |         |
| 183 | 1183 | Lò Thị Hồng       | 26/03/2004              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 184 | 1184 | Lường Thị Hồng    | 16/10/2003              | Khơ mú     | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 185 | 1185 | Mè Thị Xuân Hồng  | 16/09/2023              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 186 | 1186 | Quảng Thị Hồng    | 26/09/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 187 | 1187 | Vũ Thị Thanh Hồng | 09/05/2000              | Kinh       |                 | 54.0                         | 54.0                   |         |
| 188 | 1188 | Vừ Thị Hồng       | 22/07/2003              | Mông       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 189 | 1189 | Cà Thị Hợp        | 09/12/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 190 | 1190 | Lò Thị Huế        | 17/06/2000              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 191 | 1191 | Đieu Phương Huệ   | 20/11/2003              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 192 | 1192 | Hù Thị Huệ        | 29/08/2003              | Cống       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 193 | 1193 | Lèng Thị Huệ      | 09/05/1999              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên             | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 194 | 1194 | Lò Thị Huệ            | 16/08/1999              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 195 | 1195 | Lò Thu Huệ            | 08/12/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 196 | 1196 | Tòng Thị Huệ          | 24/02/2004              | Thái       | DTTS            | 85.0                         | 90.0                   |         |
| 197 | 1197 | Trần Thị Huệ          | 06/08/1999              | Mường      | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 198 | 1198 | Cà Thị Huyền          | 08/07/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 199 | 1199 | Hà Thị Huyền          | 27/02/2003              | Kinh       |                 | 65.5                         | 65.5                   |         |
| 200 | 1200 | Lò Thị Huyền          | 04/05/2004              | Thái       | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 201 | 1201 | Lò Thị Khánh Huyền    | 28/08/1999              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 202 | 1202 | Lò Thị Thanh Huyền    | 22/08/2004              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 203 | 1203 | Lường Thị Khánh Huyền | 12/04/2003              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 204 | 1204 | Lường Thị Thu Huyền   | 04/01/2002              | Thái       | DTTS            | 54.0                         | 59.0                   |         |
| 205 | 1205 | Nguyễn Thị Huyền      | 10/09/2002              | Kinh       |                 | 82.0                         | 82.0                   |         |
| 206 | 1206 | Poòng Thị Khánh Huyền | 09/09/2000              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 207 | 1207 | Thùng Thị Huyền       | 21/07/2004              | Kháng      | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 208 | 1208 | Thùng Thu Huyền       | 14/04/2003              | Thái       | DTTS            | 87.0                         | 92.0                   |         |
| 209 | 1209 | Trần Thị Thanh Huyền  | 05/07/2004              | Kinh       |                 | 67.5                         | 67.5                   |         |
| 210 | 1210 | Vũ Thị Ngọc Huyền     | 10/09/2003              | Kinh       |                 | 87.0                         | 87.0                   |         |
| 211 | 1211 | Cà Thị Hương          | 07/04/2002              | Thái       | DTTS            | 85.5                         | 90.5                   |         |
| 212 | 1212 | Cà Thị Hương          | 16/04/2000              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 213 | 1213 | Đào Thị Lan Hương     | 19/09/1997              | Kinh       |                 | 64.0                         | 64.0                   |         |
| 214 | 1214 | Hoàng Thị Thanh Hương | 29/03/2002              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 215 | 1215 | Hồ Thị Hương          | 09/12/2003              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 216 | 1216 | Lò Thị Hương          | 25/09/2004              | Thái       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 217 | 1217 | Lò Thị Hương          | 18/01/2003              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 218 | 1218 | Lường Thị Hương       | 09/10/2004              | Khơ mú     | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 219 | 1219 | Lường Thị Hương       | 15/02/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 220 | 1220 | Nguyễn Thị Hương      | 28/05/2001              | Kinh       |                 | 78.0                         | 78.0                   |         |
| 221 | 1221 | Poòng Thị Hương       | 27/06/2003              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 222 | 1222 | Quách Thị Hương       | 14/04/1985              | Mường      | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 223 | 1223 | Vì Thị Hương          | 12/12/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 224 | 1224 | Đặng Thị Huyền        | 10/02/2002              | Kinh       |                 | 56.5                         | 56.5                   |         |
| 225 | 1225 | Lê Thị Hường          | 12/10/1999              | Kinh       |                 | 81.0                         | 81.0                   |         |
| 226 | 1226 | Lường Thị Khánh       | 13/06/2003              | Khơ mú     | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên           | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|---------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 227 | 1227 | Quảng Thị Khánh     | 24/03/2004              | Thái       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 228 | 1228 | Quảng Thị Mai Khánh | 12/08/2003              | Khơ mú     | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 229 | 1229 | Giàng A Khoa        | 15/04/2002              | Mông       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 230 | 1230 | Lò Thị Kim Khoa     | 09/02/2003              | Lào        | DTTS            | 81.0                         | 86.0                   |         |
| 231 | 1231 | Hờ Thị Khua         | 07/11/2003              | Mông       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 232 | 1232 | Sùng Thị Khua       | 05/07/2003              | Mông       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 233 | 1233 | Hoàng Thị Kiên      | 30/03/2002              | Khơ mú     | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 234 | 1234 | Lò Thị Kiên         | 15/11/2003              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 235 | 1235 | Khoảng Thị Kim      | 03/04/2003              | Thái       | DTTS            | 58.0                         | 63.0                   |         |
| 236 | 1236 | Bạc Thị Lả          | 14/09/2001              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 237 | 1237 | Lò Thị Lả           | 03/05/1993              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 238 | 1238 | Nạ Thị Lả           | 02/08/2002              | Khơ mú     | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 239 | 1239 | Lường Thị Lam       | 10/07/2001              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 240 | 1240 | Lò Hương Lan        | 12/04/2004              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 241 | 1241 | Lò Quỳnh Lan        | 26/05/2002              | Thái       | DTTS            | 80.0                         | 85.0                   |         |
| 242 | 1242 | Lò Thị Lan          | 24/09/2003              | Thái       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 243 | 1243 | Lò Thị Lan          | 14/11/2002              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 244 | 1244 | Lường Thị Kim Lan   | 28/08/2003              | Thái       | DTTS            | 58.0                         | 63.0                   |         |
| 245 | 1245 | Quảng Thị Lan       | 14/11/2000              | Thái       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 246 | 1246 | Sùng Thị Lan        | 07/12/2003              | Mông       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 247 | 1247 | Vì Thị Lan          | 08/07/2002              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 248 | 1248 | Lò Thị Lâm          | 25/06/2000              | Thái       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 249 | 1249 | Lương Thị Hồng Lê   | 13/08/1999              | Kinh       |                 | 53.0                         | 53.0                   |         |
| 250 | 1250 | Vàng Thị Lệ         | 03/03/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 251 | 1251 | Mùa Thị Liên        | 24/09/2002              | Mông       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 252 | 1252 | Sùng Thị Liên       | 08/04/2002              | Mông       | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 253 | 1253 | Sùng Thị Hồng Liên  | 03/09/2001              | Mông       | DTTS            | 90.0                         | 95.0                   |         |
| 254 | 1254 | Vù Thị Liên         | 29/06/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 255 | 1255 | Bùi Huyền Linh      | 31/03/2001              | Kinh       |                 | 82.0                         | 82.0                   |         |
| 256 | 1256 | Hoàng Thùy Linh     | 01/11/2002              | Kinh       |                 | 53.0                         | 53.0                   |         |
| 257 | 1257 | Lò Mai Diệu Linh    | 07/03/2002              | Thái       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 258 | 1258 | Lò Thị Linh         | 06/10/2003              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 259 | 1259 | Lò Thị Mai Linh     | 20/06/2002              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên           | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|---------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 260 | 1260 | Lò Thùy Linh        | 16/11/2004              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 261 | 1261 | Lường Hà Khánh Linh | 25/09/2003              | Thái       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 262 | 1262 | Lường Thị Linh      | 15/07/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 263 | 1263 | Nguyễn Huyền Linh   | 17/01/2003              | Kinh       |                 | 90.5                         | 90.5                   |         |
| 264 | 1264 | Nguyễn Thị Linh     | 11/03/2002              | Kinh       |                 | 90.0                         | 90.0                   |         |
| 265 | 1265 | Nguyễn Thùy Linh    | 11/11/2003              | Kinh       |                 | 92.0                         | 92.0                   |         |
| 266 | 1266 | Quảng Thị Linh      | 16/08/2003              | Khơ mú     | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 267 | 1267 | Trần Lê Khánh Linh  | 18/08/2003              | Kinh       |                 | 82.0                         | 82.0                   |         |
| 268 | 1268 | Trương Mỹ Linh      | 10/10/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 71.5                         | 76.5                   |         |
| 269 | 1269 | Vì Thùy Linh        | 30/08/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 270 | 1270 | Lèng Thị Loan       | 20/04/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 271 | 1271 | Khoảng Thị Lợi      | 22/10/2004              | Kháng      | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 272 | 1272 | Lò Thị Lợi          | 04/08/2002              | Lào        | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 273 | 1273 | Lò Thị Luận         | 07/10/2001              | Thái       | DTTS            | 86.5                         | 91.5                   |         |
| 274 | 1274 | Lý Khò Lữ           | 15/12/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 275 | 1275 | Phan Khánh Ly       | 14/07/2003              | Kinh       |                 | 52.0                         | 52.0                   |         |
| 276 | 1276 | Mùa Thị Lý          | 08/06/2003              | Mông       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 277 | 1277 | Hà Thị Mai          | 12/05/2002              | Mông       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 278 | 1278 | Lò Thị Mai          | 20/11/2004              | Khơ mú     | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 279 | 1279 | Lò Thị Mai          | 09/01/2002              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 280 | 1280 | Lường Thị Mai       | 03/05/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 281 | 1281 | Nguyễn Thị Xuân Mai | 15/12/2004              | Kinh       |                 | 80.5                         | 80.5                   |         |
| 282 | 1282 | Phàng Thị Mai       | 10/04/2002              | Mông       | DTTS            | 54.0                         | 59.0                   |         |
| 283 | 1283 | Quảng Thị Mai       | 12/10/2004              | Thái       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 284 | 1284 | Tòng Thị Thanh Mai  | 06/11/2004              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 285 | 1285 | Vàng Thị Mai        | 06/02/2003              | Mông       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 286 | 1286 | Hoàng Thị Mái       | 30/08/1993              | Mông       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 287 | 1287 | Giàng Thị Máu       | 05/01/1999              | Mông       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 288 | 1288 | Chang Thanh May     | 10/01/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 289 | 1289 | Lò Thị May          | 05/05/2002              | Thái       | DTTS            | 57.5                         | 62.5                   |         |
| 290 | 1290 | Lường Thị Mận       | 10/09/2004              | Lào        | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 291 | 1291 | Lò Thị Trà Mây      | 13/08/2003              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 292 | 1292 | Giàng Thị Me        | 03/01/2003              | Mông       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên         | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 293 | 1293 | Pờ Pờ Mé          | 12/08/1999              | Hà Nhì     | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 294 | 1294 | Chá Thị Minh      | 08/11/2004              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 295 | 1295 | Lò Thị Hồng Minh  | 25/06/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 296 | 1296 | Lù Thị Minh       | 18/02/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 297 | 1297 | Phạm Thu Minh     | 31/07/2004              | Kinh       |                 | 64.0                         | 64.0                   |         |
| 298 | 1298 | Cà Thị Mùi        | 08/02/2003              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 299 | 1299 | Lò Thị Mùi        | 12/03/1999              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 300 | 1300 | Lường Thị Mừng    | 05/07/2003              | Thái       | DTTS            | 84.0                         | 89.0                   |         |
| 301 | 1301 | Vừ Chăm My        | 24/11/2003              | Mông       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 302 | 1302 | Chá Thị Mỹ        | 14/01/2004              | Mông       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 303 | 1303 | Giàng Thị Mỹ      | 07/08/2004              | Mông       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 304 | 1304 | Giàng Thị Mỹ      | 06/06/2003              | Mông       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 305 | 1305 | Mùa Lênh Mỹ       | 07/04/2004              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 306 | 1306 | Phàng Thị Chá Mỹ  | 13/07/2003              | Mông       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 307 | 1307 | Sùng Thị Mỹ       | 12/06/1991              | Mông       | DTTS            | 56.5                         | 61.5                   |         |
| 308 | 1308 | Vàng Thị Mi       | 07/03/2004              | Mông       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 309 | 1309 | Chá Thị Ná        | 20/03/1995              | Mông       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 310 | 1310 | Lò Văn Nam        | 01/06/2004              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 311 | 1311 | Giàng Thị Nénh    | 27/01/2003              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 312 | 1312 | Tráng Thị Nénh    | 05/01/2001              | Mông       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 313 | 1313 | Cà Thị Nga        | 21/04/2002              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 314 | 1314 | Cà Thị Nga        | 27/07/2003              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 315 | 1315 | Điêu Thị Thúy Nga | 04/09/2004              | Thái       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 316 | 1316 | Lò Thị Nga        | 10/10/2000              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 317 | 1317 | Lò Thị Nga        | 10/09/2004              | Thái       | DTTS            | 86.5                         | 91.5                   |         |
| 318 | 1318 | Lò Thị Nga        | 28/11/2003              | Thái       | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 319 | 1319 | Lò Thị Nga        | 27/01/2003              | Lào        | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 320 | 1320 | Lò Thị Nga        | 15/02/2002              | Thái       | DTTS            | 81.0                         | 86.0                   |         |
| 321 | 1321 | Lò Thị Nga        | 01/07/2003              | Thái       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 322 | 1322 | Lò Thị Phương Nga | 01/08/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 323 | 1323 | Lò Thị Quỳnh Nga  | 08/10/2004              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 324 | 1324 | Lù Thị Nga        | 30/10/2004              | Thái       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 325 | 1325 | Lường Thị Kim Nga | 22/04/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên            | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|----------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 326 | 1326 | Phạm Thị Hồng Nga    | 27/07/1992              | Kinh       |                 | 66.5                         | 66.5                   |         |
| 327 | 1327 | Lò Thị Ngân          | 12/04/2001              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 328 | 1328 | Lò Thị Ngân          | 06/10/2003              | Thái       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 329 | 1329 | Lò Thị Ngân          | 28/08/2000              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 330 | 1330 | Lò Thị Ngân          | 20/07/2003              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 331 | 1331 | Lùng Thị Ngân        | 07/05/2003              | Kháng      | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 332 | 1332 | Lường Thị Ngân       | 01/12/2002              | Thái       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 333 | 1333 | Vì Thị Ngân          | 30/11/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 334 | 1334 | Lò Thị Nghĩa         | 12/05/2003              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 335 | 1335 | Lường Thị Ngoan      | 02/02/2002              | Lào        | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 336 | 1336 | Lò Thị Ngọc          | 13/05/1999              | Thái       | DTTS            | 57.5                         | 62.5                   |         |
| 337 | 1337 | Lường Thị Ngọc       | 11/10/2002              | Thái       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 338 | 1338 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 24/11/2004              | Kinh       |                 | 83.0                         | 83.0                   |         |
| 339 | 1339 | Quảng Thị Ngọc       | 07/05/2003              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 340 | 1340 | Quảng Thị Ngọc       | 18/04/2001              | Thái       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 341 | 1341 | Quảng Thị Nguyên     | 17/10/2001              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 342 | 1342 | Lò Thị Nguyệt        | 27/06/2003              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 343 | 1343 | Lù Thị Nguyệt        | 02/02/2004              | Thái       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 344 | 1344 | Tòng Thị Nguyệt      | 01/09/2003              | Thái       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 345 | 1345 | Tòng Thu Nguyệt      | 10/10/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 346 | 1346 | Nguyễn Thị Thúy Nhân | 13/11/2004              | Kinh       |                 | 70.0                         | 70.0                   |         |
| 347 | 1347 | Hà Thị Kim Nhẫn      | 06/07/1993              | Kinh       |                 | 68.5                         | 68.5                   |         |
| 348 | 1348 | Lù Thị Yến Nhi       | 14/12/2003              | Thái       | DTTS            | 83.5                         | 88.5                   |         |
| 349 | 1349 | Nguyễn Thị Lan Nhi   | 24/11/2001              | Kinh       |                 | 85.0                         | 85.0                   |         |
| 350 | 1350 | Và Thị Nhi           | 29/10/2001              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 351 | 1351 | Vàng Thị Nhia        | 12/03/2004              | Mông       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 352 | 1352 | Vừ Thị Nhia          | 03/10/2000              | Mông       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 353 | 1353 | Cà Thị Nhung         | 17/09/2004              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 354 | 1354 | Đặng Thị Nhung       | 20/05/2004              | Kinh       |                 | 81.0                         | 81.0                   |         |
| 355 | 1355 | Giảng Thị Nhung      | 27/09/1998              | Mông       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 356 | 1356 | Lò Mai Nhung         | 07/12/2002              | Thái       | DTTS            | 51.0                         | 56.0                   |         |
| 357 | 1357 | Lò Thị Nhung         | 08/09/2003              | Thái       | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 358 | 1358 | Lò Thị Nhung         | 19/02/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên             | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 359 | 1359 | Lò Thị Nhung          | 15/01/2004              | Thái       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 360 | 1360 | Mùa Thị Nhung         | 04/01/2004              | Mông       | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 361 | 1361 | Mùa Thị Nhung         | 06/04/2003              | Mông       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 362 | 1362 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 16/07/2001              | Kinh       |                 |                              |                        | Vắng    |
| 363 | 1363 | Quảng Thị Nhung       | 01/05/2003              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 364 | 1364 | Thào Thị Nhung        | 26/03/2004              | Mông       | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 365 | 1365 | Quảng Thị Niên        | 01/03/2003              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 366 | 1366 | Vì Thị Ninh           | 20/09/2000              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 367 | 1367 | Phùng Go Nở           | 09/07/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 368 | 1368 | Vừ Thị Ny             | 08/12/2003              | Mông       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 369 | 1369 | Lò Thị Oanh           | 04/12/2002              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 370 | 1370 | Lò Thị Kim Oanh       | 09/07/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 371 | 1371 | Lò Thị Kim Oanh       | 19/01/2004              | Thái       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 372 | 1372 | Lường Thị Oanh        | 02/11/2000              | Thái       | DTTS            | 69.0                         | 74.0                   |         |
| 373 | 1373 | Quảng Thị Oanh        | 18/04/2004              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 374 | 1374 | Chang Chang Pa        | 18/02/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 61.5                         | 66.5                   |         |
| 375 | 1375 | Lý Xú Pa              | 02/09/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 376 | 1376 | Và Thị Pà             | 06/07/2002              | Mông       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 377 | 1377 | Quảng Thị Pân         | 06/09/2004              | Kháng      | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 378 | 1378 | Lò Thị Pâng           | 02/10/1994              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 379 | 1379 | Sùng Thị Phan         | 20/10/2003              | Mông       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 380 | 1380 | Vừ Thị Phi            | 20/07/2003              | Mông       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 381 | 1381 | Cà Thị Phóng          | 16/06/2002              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 382 | 1382 | Cà Thị Phúc           | 23/10/1999              | Thái       | DTTS            | 58.0                         | 63.0                   |         |
| 383 | 1383 | Cà Thị Phương         | 11/10/2003              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 384 | 1384 | Đỗ Thu Phương         | 24/08/2002              | Kinh       |                 | 64.0                         | 64.0                   |         |
| 385 | 1385 | Hồ Thị Phương         | 17/11/2003              | Mông       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 386 | 1386 | Lò Thị Phương         | 25/06/2002              | Thái       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 387 | 1387 | Lò Thị Phương         | 23/05/2004              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 388 | 1388 | Lường Huyền Phương    | 18/06/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 389 | 1389 | Lường Thị Phương      | 15/09/2003              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 390 | 1390 | Nguyễn Thị Mai Phương | 06/02/2003              | Tày        | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 391 | 1391 | Nguyễn Thu Phương     | 25/08/2001              | Kinh       |                 | 61.0                         | 61.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên              | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 392 | 1392 | Quảng Thị Phương       | 26/10/2003              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 393 | 1393 | Quảng Thị Thanh Phương | 11/09/2003              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 394 | 1394 | Sì Mì Phương           | 03/03/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 395 | 1395 | Thảo Thị Phương        | 18/11/2003              | Mông       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 396 | 1396 | Trần Thị Mai Phương    | 16/11/1997              | Kinh       |                 | 85.5                         | 85.5                   |         |
| 397 | 1397 | Đieu Thị Phương        | 23/10/1994              | Thái       | DTTS            | 83.0                         | 88.0                   |         |
| 398 | 1398 | Khoảng Thị Phương      | 04/08/2004              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 399 | 1399 | Lò Thị Phương          | 28/01/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 400 | 1400 | Lò Thị Phương          | 16/12/2003              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 401 | 1401 | Lò Thị Phương          | 22/02/2002              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 402 | 1402 | Lò Thị Phương          | 18/08/2003              | Thái       | DTTS            | 64.5                         | 69.5                   |         |
| 403 | 1403 | Lường Thị Lan Phương   | 04/04/2002              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 404 | 1404 | Pờ Thị Phương          | 23/03/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 405 | 1405 | Lý Sơn Pơ              | 04/05/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 406 | 1406 | Lò Mò Pử               | 21/04/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 407 | 1407 | Lùng Gạ Pử             | 05/09/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 408 | 1408 | Lý Lòng Pử             | 22/07/2004              | Hà Nhì     | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 409 | 1409 | Lý Khò Pử              | 02/05/2002              | Hà Nhì     | DTTS            | 85.0                         | 90.0                   |         |
| 410 | 1410 | Lò Đình Quang          | 04/08/2004              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 411 | 1411 | Khoảng Thị Quy         | 29/09/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 412 | 1412 | Lường Thị Quý          | 20/02/2003              | Thái       | DTTS            | 69.0                         | 74.0                   |         |
| 413 | 1413 | Lò Thị Quyên           | 05/10/2003              | Lào        | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 414 | 1414 | Lường Thị Quyên        | 08/03/2004              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 415 | 1415 | Phạm Thị Thu Khuyến    | 08/02/2003              | Kinh       |                 | 68.5                         | 68.5                   |         |
| 416 | 1416 | Lò Thị Quyết           | 02/08/2003              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 417 | 1417 | Lò Thị Thanh Quyết     | 07/10/2004              | Thái       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 418 | 1418 | Cà Thị Quỳnh           | 11/09/2002              | Thái       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 419 | 1419 | Lò Thị Quỳnh           | 09/10/1997              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 420 | 1420 | Lò Thị Quỳnh           | 10/02/2004              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 421 | 1421 | Lò Thị Quỳnh           | 23/01/1998              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 422 | 1422 | Lò Thị Quỳnh           | 26/11/2001              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 423 | 1423 | Lò Thị Quỳnh           | 13/07/2003              | Lào        | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 424 | 1424 | Lò Thị Như Quỳnh       | 18/03/2003              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên              | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 425 | 1425 | Lường Thị Quỳnh        | 06/11/2002              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 426 | 1426 | Poòng Thị Như Quỳnh    | 22/11/2004              | Thái       | DTTS            | 81.0                         | 86.0                   |         |
| 427 | 1427 | Quảng Thị Quỳnh        | 23/11/2001              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 428 | 1428 | Giàng Thị Pan Sải      | 05/09/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 429 | 1429 | Lò Thị Sáng            | 10/10/2003              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 430 | 1430 | Hù Cồ Si               | 21/02/2002              | Si La      | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 431 | 1431 | Mùa Thị Sinh           | 06/07/1998              | Mông       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 432 | 1432 | Tráng Thị Sông         | 17/03/2002              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 433 | 1433 | Vàng Thị Sông          | 20/05/1998              | Mông       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 434 | 1434 | Hờ Thị Súa             | 19/05/2001              | Mông       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 435 | 1435 | Sùng Thị Súa           | 12/07/2004              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 436 | 1436 | Thào Thị Sung          | 20/05/2003              | Mông       | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 437 | 1437 | Vàng Thị Sung          | 18/10/2004              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 438 | 1438 | Hồ Thị Súng            | 27/09/1998              | Mông       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 439 | 1439 | Lùng Trung Sừ          | 15/03/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 440 | 1440 | Giàng Thị Tâm          | 14/02/2003              | Mông       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 441 | 1441 | Lò Thị Tâm             | 31/01/2003              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 442 | 1442 | Phạm Thị Tâm           | 21/10/2001              | Tày        | DTTS            | 80.0                         | 85.0                   |         |
| 443 | 1443 | Mào Thị Tầm            | 03/04/2004              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 444 | 1444 | Giàng Thị Tế           | 27/03/2004              | Mông       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 445 | 1445 | Cầm Thị Thanh          | 20/11/1997              | Thái       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 446 | 1446 | Hoàng Thị Phương Thanh | 06/12/2002              | Kinh       |                 | 68.5                         | 68.5                   |         |
| 447 | 1447 | Lèo Thị Thanh          | 16/03/2002              | Thái       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 448 | 1448 | Lò Thị Thanh           | 15/08/2004              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 449 | 1449 | Lò Thị Thanh           | 21/07/2001              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 450 | 1450 | Nguyễn Thanh Thanh     | 04/08/2004              | Kinh       |                 | 80.0                         | 80.0                   |         |
| 451 | 1451 | Quảng Thị Thu Thanh    | 18/10/2003              | Thái       | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 452 | 1452 | Vì Thị Thanh           | 18/08/2004              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 453 | 1453 | Lò Thị Như Thao        | 29/04/2004              | Thái       | DTTS            | 85.5                         | 90.5                   |         |
| 454 | 1454 | Đào Thu Thảo           | 01/05/1999              | Kinh       |                 | 63.0                         | 63.0                   |         |
| 455 | 1455 | Đoàn Thị Thảo          | 10/10/1995              | Kinh       |                 |                              |                        | Vắng    |
| 456 | 1456 | Lò Thị Thảo            | 21/07/2004              | Thái       | DTTS            | 70.0                         | 75.0                   |         |
| 457 | 1457 | Lò Thị Thảo            | 06/03/2001              | Thái       | DTTS            | 57.5                         | 62.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên          | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|--------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 458 | 1458 | Lò Thị Thảo        | 15/10/2004              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 459 | 1459 | Lò Thị Thảo        | 08/12/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 460 | 1460 | Lò Thị Thảo        | 23/06/2003              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 461 | 1461 | Lò Thị Thảo        | 24/05/2003              | Thái       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 462 | 1462 | Lò Thị Phương Thảo | 16/08/2004              | Thái       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 463 | 1463 | Lường Thị Thu Thảo | 23/01/2004              | Thái       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 464 | 1464 | Lưu Phương Thảo    | 20/07/2003              | Kinh       |                 | 64.5                         | 64.5                   |         |
| 465 | 1465 | Nguyễn Phương Thảo | 02/01/2002              | Kinh       |                 | 50.5                         | 50.5                   |         |
| 466 | 1466 | Nguyễn Thị Thảo    | 05/10/2004              | Kinh       |                 | 50.0                         | 50.0                   |         |
| 467 | 1467 | Quảng Thị Thảo     | 09/07/2003              | Thái       | DTTS            | 73.5                         | 78.5                   |         |
| 468 | 1468 | Quảng Thị Thảo     | 23/10/2003              | Thái       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 469 | 1469 | Quảng Thị Thảo     | 30/10/2004              | Khơ mú     | DTTS            | 55.5                         | 60.5                   |         |
| 470 | 1470 | Trần Thị Thảo      | 14/07/2003              | Kinh       |                 | 60.5                         | 60.5                   |         |
| 471 | 1471 | Lò Thị Thắm        | 05/09/2001              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 472 | 1472 | Lò Thị Thắm        | 05/10/2001              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 473 | 1473 | Quảng Thị Thắm     | 22/06/2003              | Thái       | DTTS            | 56.5                         | 61.5                   |         |
| 474 | 1474 | Lò Thị Them        | 05/05/2002              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 475 | 1475 | Lường Thị Thi      | 27/05/2003              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 476 | 1476 | Nguyễn Thị Thi     | 04/02/2004              | Kinh       |                 | 58.5                         | 58.5                   |         |
| 477 | 1477 | Lò Thị Thiết       | 17/08/1999              | Thái       | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 478 | 1478 | Cà Thị Thoa        | 12/08/2003              | Thái       | DTTS            | 82.5                         | 87.5                   |         |
| 479 | 1479 | Lường Thị Thoa     | 24/07/2004              | Thái       | DTTS            | 57.0                         | 62.0                   |         |
| 480 | 1480 | Nguyễn Thị Thoa    | 03/07/1995              | Kinh       |                 |                              |                        | Vắng    |
| 481 | 1481 | Phạm Thị Thoa      | 30/04/2002              | Thái       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 482 | 1482 | Quảng Thị Thoa     | 22/09/2003              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 483 | 1483 | Lò Thị Thoai       | 30/01/2004              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 484 | 1484 | Lò Thị Thoáng      | 02/04/2002              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 485 | 1485 | Lường Thị Thơ      | 15/02/2004              | Thái       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 486 | 1486 | Phìn Thị Anh Thơ   | 12/12/2002              | Thái       | DTTS            | 51.0                         | 56.0                   |         |
| 487 | 1487 | Lềng Thị Thời      | 26/03/2002              | Thái       | DTTS            | 74.0                         | 79.0                   |         |
| 488 | 1488 | Lò Hoài Thu        | 19/03/2002              | Thái       | DTTS            | 66.0                         | 71.0                   |         |
| 489 | 1489 | Lò Thị Thu         | 02/12/2003              | Thái       | DTTS            | 68.0                         | 73.0                   |         |
| 490 | 1490 | Lò Thị Thu         | 27/06/1993              | Thái       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên          | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|--------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 491 | 1491 | Lò Thị Thu         | 15/11/1996              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 492 | 1492 | Lò Thị Hoài Thu    | 09/09/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 493 | 1493 | Lò Thị Thanh Thu   | 12/05/2004              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 494 | 1494 | Lường Thị Thu      | 08/04/2003              | Thái       | DTTS            | 81.5                         | 86.5                   |         |
| 495 | 1495 | Lường Thị Thu      | 03/03/1993              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 496 | 1496 | Nguyễn Thị Thu     | 14/09/2001              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 497 | 1497 | Quảng Thị Hoài Thu | 16/06/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 498 | 1498 | Quảng Thị Kim Thu  | 24/10/2001              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 499 | 1499 | Quảng Thị Lệ Thu   | 07/10/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 500 | 1500 | Sùng Thị Ngọc Thu  | 28/09/2004              | Mông       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 501 | 1501 | Thào Thị Thu       | 04/12/2002              | Mông       | DTTS            | 69.5                         | 74.5                   |         |
| 502 | 1502 | Thào A Thủa        | 07/04/2003              | Mông       | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 503 | 1503 | Lò Thị Thuân       | 07/11/2003              | Thái       | DTTS            | 54.5                         | 59.5                   |         |
| 504 | 1504 | Lò Thị Thuận       | 05/05/2003              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 505 | 1505 | Khoảng Thanh Thúy  | 01/03/2003              | Thái       | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 506 | 1506 | Lò Thị Thúy        | 15/10/2003              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 507 | 1507 | Lường Thu Thủy     | 05/10/2004              | Thái       | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 508 | 1508 | Quảng Thị Thủy     | 12/04/2004              | Thái       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 509 | 1509 | Bùi Thị Thư        | 16/07/2002              | Mường      | DTTS            | 68.5                         | 73.5                   |         |
| 510 | 1510 | Lò Thị Thư         | 02/06/2002              | Kháng      | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 511 | 1511 | Lò Thị Thư         | 28/12/2001              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 512 | 1512 | Lường Thị Thư      | 10/01/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 513 | 1513 | Cà Thị Thươi       | 28/01/2001              | Thái       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 514 | 1514 | Cà Thị Thương      | 20/07/2000              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 515 | 1515 | Lò Thị Thương      | 02/05/2003              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 516 | 1516 | Nguyễn Thị Thương  | 23/08/2004              | Kinh       |                 | 81.0                         | 81.0                   |         |
| 517 | 1517 | Vũ Thị Kim Thương  | 28/01/2001              | Kinh       |                 | 67.0                         | 67.0                   |         |
| 518 | 1518 | Vì Thị Tích        | 07/06/2003              | Thái       | DTTS            | 59.5                         | 64.5                   |         |
| 519 | 1519 | Lò Thị Tiên        | 12/03/2001              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 520 | 1520 | Lường Thị Tiên     | 05/03/2001              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 521 | 1521 | Vì Thị Tính        | 26/10/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 522 | 1522 | Lò Thị Tinh        | 22/03/2004              | Thái       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 523 | 1523 | Quảng Thị Tinh     | 20/10/2003              | Kháng      | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên             | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 524 | 1524 | Sùng Thị Tình         | 28/12/2003              | Mông       | DTTS            | 90.0                         | 95.0                   |         |
| 525 | 1525 | Tòng Thị Tình         | 14/12/2004              | Thái       | DTTS            | 56.0                         | 61.0                   |         |
| 526 | 1526 | Giàng Thị Tình        | 13/04/2004              | Mông       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 527 | 1527 | Quảng Thị Tình        | 05/03/1994              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 528 | 1528 | Trương Thị Toán       | 21/07/1997              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 529 | 1529 | Cà Thị Trang          | 06/06/2003              | Thái       | DTTS            | 63.5                         | 68.5                   |         |
| 530 | 1530 | Lò Thị Trang          | 17/11/2003              | Thái       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 531 | 1531 | Lò Thị Trang          | 16/06/2003              | Thái       | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 532 | 1532 | Lò Thị Trang          | 26/11/2002              | Thái       | DTTS            | 74.0                         | 79.0                   |         |
| 533 | 1533 | Lò Thu Trang          | 03/09/2002              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 534 | 1534 | Lù Thị Trang          | 27/02/2002              | Thái       | DTTS            | 83.0                         | 88.0                   |         |
| 535 | 1535 | Lường Thị Hồng Trang  | 01/11/2003              | Thái       | DTTS            | 52.0                         | 57.0                   |         |
| 536 | 1536 | Mào Thị Trang         | 04/04/2002              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 537 | 1537 | Mùa Thu Trang         | 30/04/2004              | Mông       | DTTS            | 53.5                         | 58.5                   |         |
| 538 | 1538 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 08/04/2003              | Kinh       |                 | 91.5                         | 91.5                   |         |
| 539 | 1539 | Phạm Huyền Trang      | 31/07/2004              | Kinh       |                 | 63.5                         | 63.5                   |         |
| 540 | 1540 | Phạm Thùy Trang       | 05/11/2001              | Kinh       |                 | 81.0                         | 81.0                   |         |
| 541 | 1541 | Quảng Thị Trang       | 26/04/2003              | Thái       | DTTS            | 85.0                         | 90.0                   |         |
| 542 | 1542 | Quảng Thị Huyền Trang | 06/11/2002              | Thái       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 543 | 1543 | Thào Thị Trang        | 20/03/2004              | Mông       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 544 | 1544 | Vàng Thị Trang        | 25/05/2002              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 545 | 1545 | Vàng Thị Thu Trang    | 07/11/2002              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 546 | 1546 | Sùng A Trung          | 12/06/2003              | Mông       | DTTS            | 69.0                         | 74.0                   |         |
| 547 | 1547 | Nguyễn Ngọc Tú        | 31/07/1998              | Kinh       |                 | 71.0                         | 71.0                   |         |
| 548 | 1548 | Lò Thị Tuấn           | 20/08/1996              | Thái       | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 549 | 1549 | Tao Thị Thanh Tuyền   | 06/06/2003              | Thái       | DTTS            | 84.5                         | 89.5                   |         |
| 550 | 1550 | Lò Thị Tuyết          | 13/11/2003              | Thái       | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 551 | 1551 | Lò Thị Tuyết          | 20/09/2002              | Thái       | DTTS            | 70.5                         | 75.5                   |         |
| 552 | 1552 | Vàng Thị Thanh Tuyết  | 01/11/2004              | Mông       | DTTS            | 59.0                         | 64.0                   |         |
| 553 | 1553 | Cà Thị Tươi           | 28/10/2000              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 554 | 1554 | Lò Thị Tươi           | 14/02/2004              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 555 | 1555 | Lù Thị Tươi           | 14/05/2002              | Thái       | DTTS            | 80.5                         | 85.5                   |         |
| 556 | 1556 | Lường Thị Tươi        | 14/01/2003              | Thái       | DTTS            | 87.5                         | 92.5                   |         |

| TT  | SBD  | Họ và tên          | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|--------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 557 | 1557 | Tòng Thị Tương     | 09/10/2002              | Thái       | DTTS            | 71.5                         | 76.5                   |         |
| 558 | 1558 | Lò Thị Thu Uyên    | 20/02/2003              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 559 | 1559 | Phạm Thu Uyên      | 26/01/2004              | Kinh       |                 | 81.5                         | 81.5                   |         |
| 560 | 1560 | Giàng A Vàng       | 04/01/2002              | Mông       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 561 | 1561 | Giàng Thị Vàng     | 27/06/2004              | Mông       | DTTS            | 77.0                         | 82.0                   |         |
| 562 | 1562 | Lầu Thị Vàng       | 02/02/2004              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 563 | 1563 | Lò Thị Vãn         | 15/06/1999              | Lào        | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 564 | 1564 | Cầm Thị Vân        | 08/11/2004              | Thái       | DTTS            | 65.0                         | 70.0                   |         |
| 565 | 1565 | Lò Thị Vân         | 01/01/2003              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 566 | 1566 | Lò Thị Vân         | 14/12/2004              | Kháng      | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 567 | 1567 | Lường Thị Vân      | 21/01/2003              | Thái       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 568 | 1568 | Lường Thị Vân      | 25/10/2003              | Thái       | DTTS            | 69.0                         | 74.0                   |         |
| 569 | 1569 | Lường Thị Vân      | 10/09/2002              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 570 | 1570 | Poòng Hồng Vân     | 19/09/1998              | Thái       | DTTS            | 60.5                         | 65.5                   |         |
| 571 | 1571 | Vì Thúy Vân        | 12/03/2003              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 572 | 1572 | Giàng Thị Vênh     | 05/04/2002              | Mông       | DTTS            | 67.5                         | 72.5                   |         |
| 573 | 1573 | Đieu Khánh Vi      | 09/12/2003              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 574 | 1574 | Lò Thị Vi          | 27/05/2004              | Thái       | DTTS            | 62.5                         | 67.5                   |         |
| 575 | 1575 | Lò Thị Tường Vi    | 28/01/2004              | Thái       | DTTS            | 51.0                         | 56.0                   |         |
| 576 | 1576 | Lý Thị Vi          | 09/11/2003              | Mông       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 577 | 1577 | Lò Thị Việt        | 07/12/2003              | Thái       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 578 | 1578 | Lò Thị Vui         | 20/12/2003              | Thái       | DTTS            | 62.0                         | 67.0                   |         |
| 579 | 1579 | Lò Thị Vui         | 06/07/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 580 | 1580 | Vàng Thị Vương     | 29/01/2004              | Mông       | DTTS            | 51.5                         | 56.5                   |         |
| 581 | 1581 | Lý Thị Xâm         | 18/06/2003              | Sán Chi    | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 582 | 1582 | Giàng Thị Xi       | 11/06/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 583 | 1583 | Giàng Thị Xó       | 05/02/2001              | Mông       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 584 | 1584 | Lý Ga Xó           | 15/09/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 82.0                         | 87.0                   |         |
| 585 | 1585 | Pờ Lé Xó           | 13/03/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 80.0                         | 85.0                   |         |
| 586 | 1586 | Lầu Thị Hồng Xuân  | 11/05/2002              | Mông       | DTTS            | 51.0                         | 56.0                   |         |
| 587 | 1587 | Lò Thị Xuân        | 09/04/2000              | Thái       | DTTS            | 67.0                         | 72.0                   |         |
| 588 | 1588 | Lù Thị Xuân        | 15/02/1997              | Khơ mú     | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 589 | 1589 | Lường Thị Kim Xuân | 25/05/2003              | Thái       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |

| TT  | SBD  | Họ và tên           | Ngày/tháng/<br>năm/sinh | Dân<br>tộc | Diện<br>ưu tiên | Điểm thi thực<br>hành vòng 2 | Tổng điểm xét<br>tuyển | Ghi chú |
|-----|------|---------------------|-------------------------|------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------|
| 590 | 1590 | Lường Thị Mai Xuân  | 25/02/2003              | Thái       | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 591 | 1591 | Phạm Thị Thanh Xuân | 10/08/2001              | Kinh       |                 | 65.0                         | 65.0                   |         |
| 592 | 1592 | Quảng Thị Xuân      | 14/07/2001              | Thái       | DTTS            | 58.5                         | 63.5                   |         |
| 593 | 1593 | Tềnh Thị Xuân       | 04/08/2003              | Mông       | DTTS            |                              |                        | Vắng    |
| 594 | 1594 | Tòng Thị Xuân       | 25/01/2003              | Thái       | DTTS            | 53.0                         | 58.0                   |         |
| 595 | 1595 | Bạc Thị Xuyên       | 16/05/1997              | Thái       | DTTS            | 50.5                         | 55.5                   |         |
| 596 | 1596 | Lò Thị Xuyên        | 10/12/2004              | Thái       | DTTS            | 61.0                         | 66.0                   |         |
| 597 | 1597 | Lò Thị Xươi         | 06/04/2000              | Thái       | DTTS            | 66.5                         | 71.5                   |         |
| 598 | 1598 | Chu Thị Yến         | 10/05/2003              | Hà Nhì     | DTTS            | 64.0                         | 69.0                   |         |
| 599 | 1599 | Giàng Thị Yến       | 26/04/1998              | Thái       | DTTS            | 63.0                         | 68.0                   |         |
| 600 | 1600 | Hồ Thị Yến          | 08/08/2000              | Mông       | DTTS            | 50.0                         | 55.0                   |         |
| 601 | 1601 | Lèng Thị Hải Yến    | 28/03/2003              | Thái       | DTTS            | 65.5                         | 70.5                   |         |
| 602 | 1602 | Lò Thị Yến          | 12/02/2001              | Thái       | DTTS            | 80.0                         | 85.0                   |         |
| 603 | 1603 | Lường Thị Yến       | 12/10/2001              | Thái       | DTTS            | 55.0                         | 60.0                   |         |
| 604 | 1604 | Thùng Thị Hải Yến   | 13/05/1998              | Thái       | DTTS            | 52.5                         | 57.5                   |         |
| 605 | 1605 | Phàng Thị Dứa       | 13/10/2003              | Mông       | DTTS            | 60.0                         | 65.0                   |         |
| 606 | 1606 | Vũ Thị Phương Anh   | 23/09/2000              | Kinh       |                 | 69.0                         | 69.0                   |         |

*Danh sách có 606 thí sinh./.*